

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 4 – 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trí.

2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1994.

Địa chỉ cư trú: Ấp BT, xã BTh, huyện TB, tỉnh ĐT.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1996.

Địa chỉ cư trú: Ấp BT, xã BTh, huyện TB, tỉnh ĐT.

Chị Nguyễn Thị Trúc L có mặt tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn G vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn G kết hôn năm 2016 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BTh, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 16/5/2016. Hôn nhân giữa chị L và anh G được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu.

Trong khoảng thời gian sống chung, vợ chồng không hạnh phúc, thường

xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, cãi vã, anh G không quan tâm chăm sóc vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, chị L và anh G ly thân từ tháng 05/2020 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Chị Nguyễn Thị Trúc L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

Về con chung: Chị L và anh G có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 13/9/2017. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn G không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính).
- Trích lục khai sinh của Nguyễn Thị Ngọc N (Bản sao);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn G cư trú tại ấp BT, xã BTh, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn G được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

Xét thấy, chị L và anh G kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã BTh, huyện TB, tỉnh ĐT vào ngày 16/5/2016, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không hòa hợp trong cuộc sống. Ngoài ra, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 05/2020 đến nay, khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không

thành. Hơn nữa, chị L xác định, chị L và anh G không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị Trúc L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn G là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị L yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 13/9/2017.

Xét thấy, hiện nay chị L đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Ngọc Nhi. Ngoài ra, chị L xác định, chị L có việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu Ngọc Nhi phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu Ngọc Nhi cho chị L nuôi dưỡng. Vì vậy, chị L yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 13/9/2017 là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh G cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định là không có, không yêu cầu giải quyết; anh G không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc L.

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 13/9/2017, cho chị Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

Chị L và anh G được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số BI/2019/0006783 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Như vậy, chị L đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã BTh, huyện TB, tỉnh ĐT (Số 68, ngày 16/5/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên